



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NGƯỜI GARO Ở BANGLADESH: SỰ HỢP NHẤT TỘC NGƯỜI VÀ HÌNH THÀNH BẢN SẮC TỘC NGƯỜI Ở BANGLADESH

ELLEN BAL¹

1. Những “dân tộc khác” của Bangladesh

Bangladesh thường được xem như là đất nước của người Bắng Gan, với ngôn ngữ quốc gia là tiếng Bắng Gan. Đạo Hồi được coi là quốc giáo ở đây. Tuy nhiên xã hội Bangladesh không thuần nhất về mặt văn hoá. Trong khi phần lớn dân số 130 triệu người tự nhận mình là người Bắng Gan, và trong khi khoảng 85% dân số theo đạo Hồi, thì vẫn có khoảng 20-56 (một con số mà không ai biết một cách chính xác) các dân tộc thiểu số cùng chung sống ở đất nước này. Họ tự tách mình ra khỏi cộng đồng đa số với tiếng mẹ đẻ, tôn giáo, văn hoá và các dấu ấn lịch sử riêng.

Ngoài một bộ phận người Bắng Gan theo đạo Hindu, chiếm khoảng 15% dân số của Bangladesh, phần lớn các tộc người khác ở đất nước này thường được biết đến như những người bản địa (*adivasi*), dân tộc nhỏ, người miền núi (*pahari*). Tôn giáo của bộ phận dân cư này khá phong phú. Có nhóm theo đạo Hindu, có nhóm theo đạo Phật, đạo Thiên Chúa hay tôn giáo bản địa nhưng rất ít người theo đạo Hồi. Theo số liệu điều tra dân số năm 1991 “*Dân số các bộ tộc của Bangladesh*” khoảng 1,2 triệu người, chiếm gần 1% dân số cả nước. Tuy nhiên, có nhiều lý do để tin rằng, trong thực tế con số này lớn hơn nhiều².

Khái niệm “*bộ tộc*” gây ra nhiều tranh luận trong bối cảnh khu vực Nam Á. Người ta sử dụng tên gọi này cho một bộ phận dân cư cụ thể trong khi họ không hề có một định nghĩa cụ thể và phù hợp cho tên gọi ấy. Có lẽ những hàm ý mang tính tiêu cực của thuật ngữ này có vai trò quan trọng hơn là việc cần có một định nghĩa rõ ràng. Đối với phần lớn mọi người, bộ tộc hay người miền núi (*pahari*) gọi cho người ta liên tưởng đến những người hoàn toàn tách biệt khỏi xã hội văn minh, họ kém phát triển và còn ở trình độ phát triển nguyên thủy. Họ bị coi là những người ngây thơ, gần với tự nhiên hơn so với những cư dân “*văn minh*” khác của khu vực Nam Á.

Willem Van Schendel đã tóm tắt quá trình hình thành sự phân đôi hai khái niệm: “con người bình thường” và “bộ tộc” với thuật ngữ “*diễn đàn của những người theo thuyết bộ tộc*” (*tribalist discourse*)³. Trong khi thực tế xã hội đã chỉ ra các quá trình phát triển rất linh hoạt và phức tạp của các mối quan hệ liên nhóm, hình thức tổ chức nhóm thì những thành kiến về các dân tộc thiểu số của những người theo thuyết bộ tộc vẫn tồn tại và có ảnh hưởng đáng kể từ các chính sách quản lý hành chính và ngành dân tộc chí thời thuộc địa mà không hề có sự liên kết những quan niệm như thế trong thời thuộc địa của xã hội Nam Á⁴.

Bài viết này là một phần của dự án nghiên cứu lớn hơn mà tác giả đã khảo cứu các khuynh hướng trước đây nhằm phủ nhận khái niệm các dân tộc thiểu số không phải là Băng Gan hay cái gọi là các bộ tộc ra khỏi nền chính trị và các diễn đàn mang cấp quốc gia. Tác giả cũng đồng thời nghiên cứu quá trình loại bỏ những quan niệm ấy dẫn đến sự hình thành rõ ràng của ranh giới giữa các nhóm và sự tăng cường các đặc tính tộc người. Ở nghiên cứu này, tác giả tập trung nghiên cứu người Garo, một tộc người thiểu số ở Bangladesh, xem xét quá trình mà họ được xem như là một nhóm thiểu số riêng biệt trên nền tảng của nhiều nhóm địa phương và là kết quả của sự tương tác giữa các quá trình giao tiếp văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội. Tác giả đã cố gắng làm sáng tỏ những nhân tố đóng góp vào quá trình hình thành tộc người, xem xét con đường mà người Garo trở thành một cộng đồng tộc người riêng biệt như ngày nay. Những quá trình nào đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành về mặt xã hội của cộng đồng người Garo? Sự ngăn cản không thừa nhận họ trong lịch sử đã ảnh hưởng đến sự tự nhận thức, ý thức về đặc tính tộc người, các mối quan hệ giữa những người Garo cũng như giữa họ với các tộc người khác như thế nào?

Trong bài viết này, tác giả xem xét các nhân tố đóng vai trò vào quá trình hình thành và thống nhất các đặc tính tộc người một cách cụ thể hơn. Đó là sự xuất hiện của các nhà truyền giáo đạo Thiên Chúa giáo và việc xâm nhập của tôn giáo này vào đời sống tín ngưỡng của người Garo. Tác giả cho rằng sự thành công của các nhà truyền giáo trong khu vực cư trú của người Garo một phần là do Thiên Chúa giáo giúp cho người Garo tự phân biệt mình với những người láng giềng Băng Gan theo đạo Hồi.

2. Người Garo ở Bangladesh

Hàng nghìn năm qua, khu vực biên giới đồi núi của Bangladesh ngày nay và vùng Đông Bắc Ấn Độ đã tạo thành ranh giới giữa các nền văn minh của vùng Nam và Đông Nam Á⁵. Khu vực phân cách này (vốn không hề có sự ngăn cách giao tiếp văn hoá và tương tác giữa các dân tộc) được đánh dấu bởi những thay đổi khá rõ rệt của điều kiện tự nhiên. Vùng đất thấp ở đây đột ngột được thay thế bởi các rặng đồi núi. Là một trong số cộng đồng cư trú trong khu vực này, người Garo được xem như là cư dân đầu tiên có mối quan hệ với người Anh. Mốc đánh dấu mối quan hệ này bắt đầu từ những năm 1760⁶. Những khu vực đồi núi được biết đến như là khu vực của người Garo. Nó không nằm dưới sự kiểm soát của chế độ thuộc địa Anh cho đến hàng thế kỷ sau này. Các nhà thuộc địa Anh dành quyền thu nhập lợi tức hàng năm cho các chủ đất lớn nhằm tranh thủ sự thừa nhận của họ đối với quyền quản lý bất động sản của mình, cũng như nỗ lực của những người nhằm mở rộng lãnh thổ và thu nhập của mình qua việc đánh thuế những người bản địa thường gặp phải sự phản kháng quyết liệt.

Chỉ đến năm 1947, người Garo cư trú ở vùng đồi núi và người Garo cư trú ở vùng đất thấp mới tách ra cư trú ở hai nhà nước tách biệt sau sự can thiệp của người Anh gốc Ấn Độ vào Ấn Độ (đa số dân theo đạo Hindu) và Pakistan (đa số dân theo đạo Hồi) cùng với sự thiết lập đường biên giới quốc tế giữa hai quốc gia này. Khi vùng Đông Pakistan tách ra trở thành nước Bangladesh vào năm 1971, đường biên giới quốc tế với Ấn Độ vẫn được giữ nguyên như trước đó.

Những khác biệt giữa người sinh sống ở đồng bằng và miền đồi núi tuy nhiên vẫn còn tồn tại. Bộ phận người Garo được coi

như là người Bangladesh ngày nay cư trú ở vùng cận đồng bằng của quận Mymensingh. Tại đây, nhà nước thuộc địa đã thiết lập quyền kiểm soát vào những năm đầu thập kỷ 30 của thế kỷ 19. Viên quản lý người Anh John Eliot có lẽ là người châu Âu đầu tiên tiếp xúc với họ⁷. Mặc dù John Eliot có thể mới chỉ đặt chân đến vùng đồng bằng và cận khu vực đồi núi phía Đông Bắc của Mymensingh nhưng ông đã có hàng trăm ấn phẩm xuất hiện từ chuyến thăm người Garo đầu tiên của mình. Phần lớn trong số đó lại đề cập đến bộ phận sống ở khu vực đồi núi chứ không phải ở đồng bằng.

Không ai biết con số chính xác hiện có bao nhiêu người Garo sinh sống ở Bangladesh. Vào năm 1991, con số chính thức của nhà nước là 64.280 người nhưng bản thân người Garo lại cho rằng phải đến hàng trăm nghìn người, thậm chí là nhiều hơn thế. Có lẽ con số chính xác nằm ở khoảng giữa của ước đoán này. Phần lớn người Garo cư trú ở vùng cận miền đồng bằng, thường có chiều rộng khoảng vài km, nằm dọc theo dải đất phía Nam của quận miền núi của Ấn Độ, nơi có người Garo vùng cao sinh sống. Những cư dân vùng đất thấp này từ lâu đã có mối quan hệ với văn hoá Băng Gan, và giống như những người Băng Gan láng giềng, họ thường canh tác lúa nước dù có thể trong quá khứ hình thức canh tác của họ là canh tác nương rẫy. Một vài người già vẫn còn nhớ những câu chuyện về việc chặt cây rừng làm nương rẫy, du cư từ nơi này sang nơi khác nhưng không ai trong số họ từng canh tác theo hình thức này. Đến thế kỷ 19, những người Garo sống ở vùng đồng bằng đã bắt đầu canh tác nông nghiệp dùng cày và canh tác lúa nước trên ruộng giống như những người Băng Gan láng giềng⁸.

Một khu vực khác cũng có người Garo sinh sống là khu rừng Modhupur, cách thủ đô Dhaka của Bangladesh khoảng 150km. Đây là một trong những khu rừng rộng lớn nhất của vùng đồng bằng. Nằm tách biệt khỏi bộ phận còn lại của người Garo, Modhupur gần như một hòn đảo của người Garo trên bản đồ của Bangladesh. Không ai biết sự phân chia thành 2 vùng cư trú này đã diễn ra như thế nào. Mặc dù cách xa về khoảng cách địa lý, nhưng vẫn có mối liên hệ qua lại đáng kể giữa người Garo ở Modhupur với những người đồng tộc ở khu vực biên giới.

Phần lớn người Garo ở quận Garo Hill, Ấn Độ đã tạo nên vị trí đa số về mặt dân số, và có quyền tự trị chính trị đáng kể cho riêng mình. Tuy nhiên người Garo ở Bangladesh, chung sống bên cạnh những cộng đồng tộc người khác và không tạo nên được vị trí đa số ở bất kỳ một khu vực nào. Trong khi đó, những người láng giềng Băng Gan của họ luôn giữ vị trí đa số trên toàn lãnh thổ quốc gia (trừ ở khu vực Chittagong Hill Tracts). Những tộc người láng giềng khác như: Hodi, Dalu, Banai và Hajong phần lớn đều theo đạo Hindu.

Sự phân chia địa vực cư trú ở đồng bằng và miền núi của người Garo cũng được phản ánh ở tên tự gọi của họ. Người Garo ở Bangladesh nhận mình là Mandi, tức là con người và gọi người Garo ở Ấn Độ là những người miền đồi núi (Achik). Tư liệu lịch sử chỉ ra rằng trong quá khứ những nhóm khác nhau đã sử dụng các tên gọi riêng. Garo thực tế không phải là tên họ tự gọi mình. Trong khi cả ý nghĩa của nó lẫn nguồn gốc tên gọi đều mơ hồ và không mang tính khái quát; có vẻ như tên gọi này là do những người bên ngoài đặt cho họ. Mặc dù người Garo ở Bangladesh và Ấn Độ sử dụng những tên gọi khác nhau, nhưng họ vẫn coi cùng ở chung một

cộng đồng. Mặc cho khái niệm của những người bên ngoài, tên gọi Garo vẫn biểu tượng hoá một nhận thức chung của đặc tính tộc người và phản ánh rõ nét hoàn cảnh hiện tại.

Ngày nay, người Garo cư trú trên toàn lãnh thổ Bangladesh. Từ những năm 60, đặc biệt là những năm 80 của thế kỷ 20 trở lại đây, nhiều người Garo đã bắt đầu di cư đến Dhaka và Chittagong, những thành phố lớn của Bangladesh. Ngoài những công việc lao động của tầng lớp thấp trong xã hội, nhiều người đã tìm đến văn phòng các tổ chức phi chính phủ của người theo đạo Thiên Chúa giáo như Caritas và World Vision hay các tổ chức nhà thờ ở thủ đô. Kể từ khi phần lớn người Garo theo đạo Thiên Chúa giáo, họ có nhiều cơ hội hơn được tuyển dụng làm việc trong các tổ chức Thiên Chúa giáo. Ngày càng có nhiều người Garo di cư đến các thành phố lớn để học hành, đỗ đạt hơn. Chính những sinh viên này đã tạo thành một bộ phận quan trọng trong cộng đồng người Garo ở Dhaka. Tại các trường đại học ở Dhaka, ngày càng có nhiều sinh viên nam nữ trẻ người Garo. Họ thường chung sống với họ hàng hoặc các ký túc xá nằm rải rác trong toàn thành phố. Rất nhiều trong số họ, đặc biệt là những người ở tầng lớp trung lưu đạt được trình độ học vấn cao để bảo đảm cho tương lai của con họ.

Trong bối cảnh biến động xã hội và tự nhiên ấy, không thể cho rằng người Garo vẫn còn biệt lập với xu thế phát triển của xã hội. Thế nhưng những quan niệm ấy vẫn được coi là bình thường ở Bangladesh. Ví dụ dưới đây sẽ minh hoạ cho những sự đổi đầu trong thực tế đời sống không dễ dàng xoá bỏ được các định kiến cố hữu về các dân tộc thiểu số ở Bangladesh. Vào một buổi chiều tháng 2 năm 1995, Rosy, một cô sinh viên nhân học người Garo của

trường đại học Dhaka đã phàn nàn với tôi và người trợ lý nghiên cứu của tôi, về cách ứng xử thỉnh thoảng vẫn gặp của các sinh viên người Bạng Gan với người Garo:

"Họ hỏi chúng tôi xem chúng tôi có ăn thịt ếch hay thịt rắn không. Điều đó thì chẳng sao cả, nhưng thật ngớ ngẩn khi họ lại hỏi về trang phục của chúng tôi. Rõ ràng họ có thể nhìn thấy chúng tôi ăn mặc giống như họ nhưng vẫn cứ hỏi tôi rằng phụ nữ Garo có mặc áo nịt ngực không, có mặc quần áo thật ngắn không. Tôi không muốn kể thêm về những gì họ đã hỏi. Họ có vẻ như chẳng biết gì cả. Tôi không ngại việc họ muốn tìm hiểu về chúng tôi, nhưng cách mà hỏi như thế chúng tôi không phải là con người. Họ muốn sỉ nhục chúng tôi bằng việc hỏi một cách ngu ngốc như thế. Đó là điều mà tôi không thích".

Trong khi câu hỏi rằng có ăn thịt ếch hay thịt rắn không bao hàm sự tò mò, và cũng không hề có ý sỉ nhục trong bối cảnh xã hội Việt Nam, thì ở cả Ấn Độ và Bangladesh nó lại biểu hiện như là một tổng thể các định kiến. Những quan niệm về vệ sinh và không vệ sinh đã ăn sâu vào tiềm thức của người địa phương, được liên hệ trực tiếp đến việc nên hay không nên ăn những thức ăn gì. Ếch và rắn không được coi là loại thức ăn "phù hợp", và do đó câu hỏi trên không chỉ phản ánh sự thờ ơ mà còn biểu lộ sự xem thường của người Bạng Gan đối với người Garo. Kể từ khi người Bạng Gan tin rằng người văn minh không bao giờ ăn thịt ếch hay rắn, thì họ coi những người ăn loại thức ăn đó là nguyên thủy. Mẫu thức này áp dụng cho cả trang phục. Những người phụ nữ đoan trang sẽ ăn mặc "kín đáo", trong khi chỉ có những bộ tộc nguyên thủy mới ở trần một nửa thân thể. Những suy nghĩ mang tính miệt thị như thế không chỉ làm tổn thương các tộc người thiểu số, mà các diễn đàn

của những người theo thuyết bộ tộc cũng đồng thời loại bỏ họ ra khỏi lịch sử của dân tộc, ngăn cản họ tham gia vào đời sống chính trị, hoạch định các chính sách, và dẫn đến sự liên kết yếu giữa ranh giới các nhóm⁹.

2. Nguồn gốc tộc người của người Garo ở Bangladesh

Trong khi người Garo ngày nay quan niệm mình là thành viên của cùng một cộng đồng tộc người, cùng chia sẻ quan niệm chung, thì những khảo cứu về lịch sử người Garo trong thế kỷ 19 và 20 chỉ ra rằng khái niệm tương đối hài hoà này của người Garo chỉ mới xuất hiện gần đây. Cho đến tận thế kỷ 20, người Garo ở Băng Gan vẫn chia thành các nhóm địa phương khác nhau, cư trú tương đối cách biệt nhau với những tên gọi riêng (như: Chibok, Abeng, Dual, Somon, Brak, Kochu, Atong và Megam). Người ta có thể phân biệt họ dựa vào hoa văn trên trang phục, các nghi thức tôn giáo, văn hoá ẩm thực. Sự khác biệt giữa các ngôn ngữ địa phương cũng là đặc điểm quan trọng để phân biệt họ vì mỗi nhóm có một thổ ngữ riêng. Có một số thổ ngữ tương đồng với nhau, nhưng cũng có nơi chúng hoàn toàn khác biệt.

Như vậy, cho đến tận đầu thế kỷ 20 nếu người Garo vẫn chưa thiết lập nên một cộng đồng tộc người thống nhất thì bằng cách nào và tại sao họ thống nhất được thành một cộng đồng tộc người với một đặc tính tộc người rõ ràng? Không dễ để trả lời câu hỏi này. Toàn bộ quá trình hình thành tộc người và định hình ranh giới riêng này khá phức tạp và không dễ dàng để chỉ ra, đặc biệt là đối với việc làm sáng tỏ chiều hướng chính xác của các mối quan hệ nhân quả. Tôi cho rằng Thiên Chúa giáo đã đem lại cho người Garo một tính thống nhất cao mang tính quốc tế và

hiện đại, giúp họ tự phân biệt mình với những người láng giềng Băng Gan.

3. Người Garo và Thiên Chúa giáo

Cách thức mà người Garo theo Thiên Chúa giáo khác xa với các tộc người láng giềng. Trong khi các nhà truyền giáo không đạt được thành công đáng kể trong nỗ lực thay thế tôn giáo của người Băng Gan hay các tộc người thiểu số khác bằng Thiên Chúa giáo thì hiện nay, hơn 90% người Garo ở Bangladesh tự hào nhận mình là những tín đồ Cơ Đốc giáo. Điều đặc biệt thú vị là ngay cả những người vẫn duy trì tôn giáo truyền thống vẫn quan niệm Thiên Chúa giáo là một dấu hiệu phân biệt quan trọng của cộng đồng người Garo ở Bangladesh. Cả tôn giáo truyền thống của người Garo lẫn những tín đồ của nó cùng được gọi là *Sangsarek*. Không giống như một vài thập kỷ trở về trước, việc xác định những dấu hiệu phân biệt vốn rất khó khăn, nhất là ở khu vực biên giới thì việc này còn khó khăn hơn ở vùng rừng Modhupur¹⁰.

Những nhà truyền giáo đạo Thiên Chúa bắt đầu tiếp cận với người Garo vào cuối thế kỷ 19, nhưng các nhà truyền giáo khác đã tiến hành công việc của mình ở Băng Gan từ thế kỷ 16. Sự xuất hiện sớm của họ được đánh dấu bằng việc đến và ra đi của các nhà truyền giáo đơn lẻ, những người đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, và gặt hái được ít thành công¹¹ do đại bộ phận người Băng Gan không quan tâm đến việc truyền giáo của họ. Thậm chí ngay cả vào năm 1993, cộng đồng người theo đạo Thiên Chúa của Bangladesh mới chỉ khoảng 275.000 tín đồ (chiếm khoảng 0,3% dân số)¹². Chỉ đến nửa sau thế kỷ 19, những hoạt động truyền giáo bắt đầu đạt được những tiến bộ thực sự, đó là nhờ vào việc mở rộng phạm vi truyền bá ở vùng đất của người Garo, nơi mà các nhà truyền

giáo có thể hy vọng vào sự tiếp nhận tôn giáo mới của một bộ phận dân cư¹³. Vào năm 1892, hội cha xứ rửa tội đầu tiên được thành lập, và khoảng gần 20 năm sau, những nhà thờ La Mã mới xuất hiện. Ngay lập tức những cha xứ rửa tội và những nhà thờ La Mã vươn tầm ảnh hưởng của mình đến mọi khu vực cư trú của người Garo. Điều rất thú vị cần lưu ý là, bất cứ nơi nào bạn thấy sự hiện hữu của một nhà thờ hay hội truyền giáo, bạn chắc chắn đồng thời phát hiện sự thống trị của một tôn giáo khác tồn tại song hành. Bước vào thế kỷ 20, có nhiều tôn giáo khác du nhập vào khu vực này, nhưng hội truyền giáo và những nhà thờ La Mã luôn luôn có ảnh hưởng chủ đạo trong khu vực của người Garo.

Trong suốt những thập niên đầu tiên của lịch sử truyền giáo, các cha xứ rửa tội là những người có ảnh hưởng nhất. Mặc dù họ giữ một vị trí quan trọng trong cộng đồng người Garo khu vực miền núi Ấn Độ, nhưng ở Bangladesh, vai trò đó được chuyển sang các nhà thờ La Mã¹⁴. Ngày nay, rõ ràng các nhà thờ La Mã đã áp đảo các tôn giáo khác. Vào đầu thập niên 90, trong số 67.576 người Garo theo đạo Thiên Chúa, có 67% là theo Công giáo, 19% thuộc về các nhà thờ rửa tội¹⁵, bộ phận người Garo còn lại thuộc về các nhà thờ của Bangladesh (Anglicans), bộ phận tín đồ Thiên Chúa giáo lớn thứ ba trong cộng đồng những người Garo theo đạo Thiên Chúa¹⁶. Trong khi việc đưa đạo Thiên Chúa vào cộng đồng người Garo ở Băng Gan là sự thành công của các nhà truyền giáo, thì sự cải đạo ở quy mô lớn của những người Garo để theo Thiên Chúa giáo là một quá trình dễ dàng hay mang tính một chiều. Vào những thời điểm khác nhau, người Garo cải đạo bởi các lý do không tương đồng - Từ sự thuyết phục tôn giáo đến sự hấp dẫn của điều kiện kinh tế

đối với các động lực chính trị, xã hội. Chúng ta chỉ có thể giải thích được hình mẫu phức hợp của sự hấp dẫn này nếu như xem xét nó không chỉ là một quyết định mang tính tôn giáo mà cả tính xã hội và nếu chúng ta xem xét các biến số như: các nhà truyền giáo (thông điệp, phương pháp truyền giáo, cách ứng xử và nhân cách của họ), người Garo (những lý do khiến họ cải đạo), và bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Những người Garo cải đạo đầu tiên không hề vì sự tính toán cá nhân. Thật không dễ dàng để lý giải xem động lực nào đã khiến họ gia nhập vào các nhà thờ Thiên Chúa giáo. Lịch sử truyền miệng dân gian và tài liệu lưu trữ của các nhà truyền giáo chỉ ra rằng một bộ phận người Garo theo Thiên Chúa giáo vì lý do vật chất. Những tín đồ Thiên Chúa giáo ấy được xem như là "những tín đồ vì gạo". Dĩ nhiên là chỉ riêng sự cải thiện đời sống kinh tế không thể giải thích trọn vẹn sự thành công của các nhà truyền giáo. Ví dụ như, việc từ bỏ tôn giáo truyền thống để theo Thiên Chúa giáo không phải là dễ dàng bởi nó đòi hỏi sự thay đổi đáng kể về lối sống. Họ phải sống "cuộc sống của những người theo Thiên Chúa giáo": thường xuyên cầu nguyện, làm hôn lễ ở nhà thờ, tự đẩy mình ra thành người ngoại đạo (từ bỏ tất cả các lễ hội và nghi lễ liên quan đến tôn giáo Sangsarek truyền thống) và kiêng rượu bia (sau này, quy định này chỉ áp dụng với các cha xứ rửa tội). Tuy nhiên, những người Garo theo Thiên Chúa giáo đầu tiên thường phải đối mặt với sự thù địch và tức giận của những người đồng tộc theo tôn giáo Sangsarek và có nguy cơ bị trục xuất ra khỏi cộng đồng. Sự đối lập giữa những người theo Thiên Chúa giáo và Sangsarek kéo dài cho đến tận thế kỷ 20. Một linh mục người Mỹ vốn chung sống với người Garo ở Modhupur

năm 1959 đã kể lại cách mà những người Garo Sangsarek đã ngăn cản công việc của ông và đe dọa đầu độc các nhà truyền giáo cùng những người giúp việc của họ nếu tiếp tục truyền giáo.

Phải thừa nhận rằng không thể tìm thấy một chứng cứ nào ở đâu cho thấy sự cải đạo của người Garo trong nửa đầu thế kỷ 20 xuất phát từ động cơ chính trị. Tuy nhiên, rõ ràng là ngày nay tôn giáo mang tính chính trị. Trong bối cảnh nơi mà chính trị, tôn giáo và đặc tính tộc người gắn chặt với nhau, sẽ không thể có một sự cải đạo đến bất ngờ như thế. Ví dụ như trong thời kỳ chiến tranh vùng Vịnh (1991), những người Băng Gan theo đạo Hồi đã từng hô vang khẩu hiệu "người theo đạo Hồi và đạo Hindu là anh em, chúng ta muốn máu của những người Thiên Chúa giáo". Nhưng khi Ấn Độ và Pakistan đối đầu trong một trận đấu cricket, những người Thiên Chúa giáo lại thay thế những người Hindu trong khẩu hiệu đó. Một người đàn ông người Garo đã kể cho chúng tôi nghe cách mà những người theo đạo Hồi đã thét vào mặt người Garo trong thời gian cuộc chiến vùng Vịnh: "Người Băng Gan muốn gây hấn với người Garo, họ chống lại những người theo đạo Thiên Chúa. Thật là tuyệt vời vì chúng tôi đã đánh bại họ, nếu không chúng tôi đã không thể sinh sống ở đây, đã phải rời bỏ đất nước. Nhờ chiến thắng ấy mà họ "không thể nhảy múa thêm được nữa". Người đàn ông này muốn nói đến sự thất bại của Irak và chiến thắng của những người Thiên Chúa giáo. Ví dụ trên cũng minh họa rằng người Garo có quan hệ chặt chẽ với những người Thiên Chúa giáo này. Tính chất tộc người hoá, chính trị hoá của tôn giáo ngày càng được tăng cường rõ ràng đã ảnh hưởng đến những thay đổi gần đây của người Garo. Đối với người Garo, Thiên Chúa giáo lúc này đại

diện cho văn hoá phương Tây. Người ta tin rằng Thiên Chúa giáo là cầu nối giữa châu Âu và Hoa Kỳ.

Trong khuôn khổ bài viết này, sự mở rộng của Thiên Chúa giáo đóng vai trò đặc biệt quan trọng cho mối liên kết giữa chính tôn giáo này với quá trình hợp nhất và hình thành ranh giới tộc người của người Garo ở Băng Gan. Mặc dù việc xác định chiều hướng của các mối quan hệ nhân quả giữa Thiên Chúa giáo và sự thống nhất của người Garo là một vấn đề rất khó khăn, tác giả vẫn cho rằng chúng có mối liên kết rõ ràng. Ví dụ minh họa chính là các hình thức của sự thay đổi.

Trong khi những thay đổi về mặt tín ngưỡng ban đầu có thể khiến một bộ phận người Garo bị đẩy ra khỏi chính cộng đồng của mình và hệ quả là không thể có sự hợp nhất thì trong suốt nửa cuối thế kỷ 20, nhu cầu "cùng chung sống" đã trở thành một động lực quan trọng để họ thay đổi. Rất nhiều người Garo đã lựa chọn Thiên Chúa giáo bởi họ muốn "cùng chung sống với những người Garo khác" và duy trì sự tách biệt với cộng đồng Hồi Giáo ở Băng Gan. Một sinh viên trường Đại học Dhaka đúc kết tầm quan trọng của Thiên Chúa giáo đối với người Garo: "Tôi muốn nói rằng, nhờ có Thiên Chúa giáo mà chúng tôi duy trì được sự khác biệt với nhóm đa số của đất nước này" (nhóm đa số ở đây là cộng đồng người Băng Gan theo đạo Hồi).

Một lý do khác khiến quá trình Thiên Chúa giáo hoá chậm rãi mà chắc chắn trở thành động lực cho thống nhất tộc người là bởi các nhà thờ Thiên Chúa giáo đã đem lại cho người Garo một cấu trúc quyền lực mang tính thể chế, điều mà tín ngưỡng và tôn giáo truyền thống của họ không làm được. Sự xuất hiện của tôn giáo mới đem lại những hình mẫu mới của sự lãnh đạo và tạo cho người Garo nhiều lựa chọn để tổ

chức, chúng tỏ mình thoát ra khỏi tầm ảnh hưởng chính trị từ tầng lớp thống trị. Mặc dù các nhà truyền đạo Thiên Chúa giáo thường được xem như là nguyên nhân quan trọng gây ra sự đứt gãy văn hoá truyền thống ở người Garo (cuối cùng, chính họ đưa ra sự phân loại các giáo phái), những sự phân chia mới này thường thay thế những kiểu mẫu cũ trước đó. Sự khác biệt là ở chỗ những cách phân chia trước chủ yếu dựa trên yếu tố địa lý trong khi những phân loại theo giáo phái lại xuyên cắt qua được sự phân cách mang tính địa phương. Như đã đề cập ở phần trước, các nhà truyền đạo Thiên Chúa và các cha xứ rửa tội đã có mặt khắp nơi trên khu vực cư trú của người Garo và đã xây dựng nên các nhà thờ ở những nhóm địa phương khác nhau. Chính các nhà thờ này đã thu hút được nhiều thành viên trong một mạng lưới mà phạm vi ảnh hưởng của nó vượt ra khỏi phạm vi cộng đồng địa phương. Hơn nữa, chính sự xung đột giữa các giáo phái và sự cạnh tranh giữa các nhà truyền đạo Thiên Chúa giáo với các cha xứ rửa tội (và các giáo phái nhỏ hơn khác) đã tạo cho người Garo có không gian để điều hoà những mong ước với các nhu cầu của mình. Họ có thể xa rời một nhà thờ mà không cần phải tuyên bố từ bỏ Thiên Chúa giáo.

Một thể chế chính mà qua đó cả Thiên Chúa giáo và hệ thống giáo dục được mở rộng chính là các ngôi trường làng¹⁷. Mặc dù ban đầu, người Garo không hoàn toàn sẵn lòng gửi con em mình đến trường nhưng dần dần giáo dục đã trở nên hấp dẫn hơn. Năm 1931, kết quả điều tra chỉ ra rằng không một dân tộc thiểu số nào ở vùng bắc Mymensingh đạt được những tiến bộ về mặt giáo dục như người Garo¹⁸. Trường học đã trở thành một nơi gặp gỡ quan trọng cho trẻ em người Garo trong toàn vùng và nó cũng là nơi mà chúng học

được tiếng thổ ngữ Abeng hay Kushuk vốn là một trong những ngôn ngữ được nhiều người Garo sử dụng. Tiếng Abeng sau này đã trở thành ngôn ngữ chung của người Garo ở vùng đồng bằng.

Ngày nay, người Garo đã trở thành một cộng đồng tộc người thống nhất ở Bangladesh; cùng với Thiên Chúa giáo như là một phần quan trọng của đặc tính tộc người và sự tự nhận thức về mình. Thiên Chúa giáo đã đem lại cho người Garo một cách thức để họ phân biệt mình với các tộc người khác bằng đặc tính riêng của mình ở một đất nước mà Hồi giáo chiếm ưu thế. Thiên Chúa giáo cũng đồng thời đem lại cho họ một diễn đàn chung để thống nhất và khẳng định lại mình như là một tộc người riêng, gắn họ vào một "thế giới Thiên Chúa giáo" mang tính quốc tế rộng lớn hơn.

Kết luận

Lịch sử về người Garo ở cộng đồng Băng Gan miền đông giúp chúng ta khám phá những giá trị rõ ràng vượt qua giới hạn của thời gian về cái gọi là kiểu bộ tộc của Băng Gan/Đông Pakistan/Bangladesh. Nó chỉ ra rằng lịch sử của người Garo cũng như của các tộc người láng giềng có một trật tự xã hội phức tạp mà ở trong đó các tộc người hoặc các nhóm xã hội khác nhau trong một khu vực khá năng động và dễ biến đổi. Nó cũng chứng minh rằng một sự phân loại giản đơn về cư dân của khu vực Nam Á thành "các bộ tộc nguyên thủy" và "những cộng đồng văn minh" trong các nghiên cứu lịch sử không thể đem lại một kết quả chính xác, trọn vẹn.

Trường hợp về người Garo cũng giúp chúng ta phân tích tính năng động của quá trình thống nhất và hình thành ranh giới tộc người. Bài viết này bước đầu đề cập đến một nhân tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành bản sắc

tộc người. Đó là việc Thiên Chúa giáo đã đem lại cho người Garo những công cụ để hợp nhất (tổ chức, hệ thống giáo dục, tương trợ quốc tế, ngôn ngữ chung), một bản sắc mới giúp họ tự phân biệt mình với cộng đồng láng giềng người Băng Gan theo Hồi giáo và đồng thời liên kết họ với một cộng đồng rộng lớn hơn vượt qua cả đường biên giới của Bangladesh.

Nguyễn Công Thảo dịch
Nguyễn Thị Thanh Bình hiệu đính

- 1 Bài viết này dựa trên luận án Tiến sĩ của tôi với tiêu đề 'Họ hỏi chúng tôi có ăn thịt ếch không': Biên giới Xã hội, Phân loại tộc người và người Garo ở Bangladesh (Delft: Eburon, 2000).
- 2 Ví dụ, Mahmud Shah Qureshi đã có một loạt nghiên cứu về những người không thuộc dân tộc Băng Gan ở Bangladesh; ông ta ước tính rằng cư dân này có khoảng 31 triệu. Xem Mahmud Shah Qureshi trong cuốn Văn hoá bộ tộc ở Bangladesh (Rajshahi: Viện Nghiên cứu Bangladesh Trường Đại học Rajshahi, 1984) do Mahmud Shah (chủ biên), tôi cũng thấy con số đó là 41 triệu. Đây cũng là con số được đề cập đến trong buổi thảo luận về Thiên Chúa giáo và bản sắc bộ tộc được tổ chức tại Dhaka, tháng 11 năm 1993. Một người truyền giáo đã sống ở Bangladesh trong 25 năm và đã đi khắp đất nước ước tính rằng có 56 dân tộc thiểu số khác nhau. Theo ông ta tất cả 'các dân tộc khác' chiếm khoảng 31 triệu dân.
- 3 Willem Van Schendel chỉ ra rằng cái cách người ta miêu tả các bộ tộc (Nam Á) như là họ có một số các đặc trưng cơ bản khác biệt hoặc là đối ngược với xã hội 'văn minh' có những nét tương đồng với tính Phương Đông tiêu biểu của những người đến từ Phương Đông (như Edward Said đã miêu tả). Xem Willem Van Schendel, 'Sự sáng tạo của người 'Jummas': Sự cấu thành nhà nước và tộc người ở Tây Nam Bangladesh', *Modern Asian Studies* 26, 1 (1992), 103, 34.
- 4 Xem thảo luận sâu hơn về vấn đề định nghĩa: Willem Van Schendel and Ellen Bal, "Bhumika: Name Ki Eshe Jay?", trong: Willem Van Schendel en Ellen Bal (chủ biên). *Banglar Bohujati: Bangali Chhara Banglar Onnyanyojatir Proshongo* (Calcutta: International Centre for Bengal Studies, 1998), 9-24; Willem Van Schendel and Ellen Bal, 'Beyond "Tribal" Mind Set: Nghiên cứu về những người không phải là người Băng Gan ở Tây Băng Gan và Bangladesh' trong: Georg Pfeffer and Deepak Kumar Behera (chủ biên). Khái niệm về xã hội bộ tộc. Xã hội đương đại: Những nghiên cứu về bộ tộc, Số V, New Delhi: Concept Publishing Company, 121-139.
- 5 Xem ví dụ Richard M. Eaton. *Sự nổi dậy của người Hồi giáo và biên giới Băng Gan* (Berkeley ect: University of California Press, 1993).
- 6 Alexander MacKenzie. *Biên giới Tây Bắc Ấn Độ* (Delhi: Mittal Publications, 1989 [xuất bản lần đầu năm 1884 với đầu đề "Lịch sử quan hệ của chính phủ với các bộ tộc miền núi ở biên giới tây bắc Băng Gan]), 245.
- 7 John Eliot. 'Những quan sát về các cư dân ở vùng núi Garrow. Thực hiện trong thời gian làm đại diện trong những năm 1788 và 1789', *Asiatic Researches*, Số 3 (New Delhi: NXB Cosmo, 1979. Xuất bản lần đầu năm 1794), 17-37.
- 8 A. Playfair. *Người Garos* (Gauhati và Calcutta: United Publishers, 1975. Xuất bản lần đầu năm 1909), 35.

- 9 Cần biết rằng tình hình kinh tế của người Garos (hay Hajongs, Chakmas, Marmas và tộc người thiểu số khác ở Tây Bắc Ấn Độ và Bangladesh) khác với tình hình kinh tế của các cư dân bản địa (adivasis) miền Trung và Tây Ấn Độ. Sự lệ thuộc của các cư dân bản địa này vào chính sách của thực dân trong phát triển nông, lâm nghiệp đã tạo ra một sự 'phân hoá kinh tế' rõ rệt. Phần lớn các cư dân này trở thành tá điền, lao động nông nghiệp làm thuê không có đất, trong khi những người khác không phải là các cư dân này là địa chủ, cho vay nặng lãi hoặc các nhà buôn gỗ. Ở Tây Bắc Ấn Độ hoặc miền Bắc và Tây Bắc Băng Gan, các nhóm cư dân được gọi là các bộ tộc không chuyển đổi theo sự lệ thuộc vào lực lượng lao động thuộc địa. Điều này không có nghĩa là cuộc sống của họ dễ dàng mà cũng không giống như các láng giềng của họ ở Băng Gan. Cf. Ashesh Ambasta. *Sự cấu trúc lại chủ nghĩa tư bản và sự cấu thành giai cấp vô sản trong các cư dân bản địa... Sự chuyển đổi nông nghiệp ở Quận Thane (Tây Ấn Độ) 1817-1990* (Luận án Tiến sĩ chưa xuất bản: Viện Nghiên cứu Xã hội, Hague, 1998), 14-15. Cũng xem Devalle, Susana B.C. *Diễn đàn về tộc người. Văn hoá và phản kháng ở Jharkhand* (New Delhi, ...:NXB Sage, 1992).
- 10 Sangsarek tin rằng thế giới có *mite* trú ngụ. *Mite* được xem như là những 'linh hồn' nhưng một số *mite* có quyền lực như các vị thần. Những *mite* này có thể làm con người đau ốm bằng cách cắn người ta. Thầy cúng và *kamal* biết làm lễ hiến sinh để chữa cho các nạn nhân này. Các lễ hiến sinh được thực hiện tại các thời điểm khác nhau của chu kỳ hàng năm và chúng trở thành một phần trung tâm của lễ hội buôn làng. Xem Robbins Burling. *Người Phụ nữ mạnh mẽ của Modhupur* (Dhaka: 1997), 53-56.
- 11 Ví dụ xem Edmund N. Goedert. *Các thầy tu ở Diocese của Dacca 1853-1981* (Notre Dame Indiana: Trung tâm lưu trữ tỉnh, 1983) 1-5.
- 12 Cục Thống kê Bangladesh. *Niên giám thống kê 1993*. In lần thứ 14 (Dhaka: Cục Thống kê Bangladesh, 1994)
- 13 Goedert. *Các thầy tu ở Diocese của Dacca*. 16
- 14 Do không đủ tài liệu tin cậy nên không thể nói chính xác thời điểm diễn ra.
- 15 Chỉ có các thành viên chính thức mới phải rửa tội và chỉ người lớn mới được làm lễ rửa tội.
- 16 Số liệu này được cung cấp bởi ba giáo phái lớn nhất. Không có số liệu chính thức tại nhà thờ Bangladesh; con số ở đây dựa trên sự ước lượng của một số người làm việc tại đó. Không kể đến các giáo phái nhỏ khác và người Garo theo Sylhet (ngoại trừ các nhà thờ rửa tội). Xem: *Sách hướng dẫn về Thiên Chúa giáo ở Bangladesh*, (Dhaka: Bishop' s Conference of Bangladesh, 1992); Báo cáo hàng năm của GBC và ABMS, 1991-1992.
- 17 Đó là một phương pháp được các nhà truyền đạo đón nhận rộng rãi. Ví dụ, xem Richard Eaton. *Sự chuyển đổi sang đạo Thiên Chúa của người Nagas, 1876-1971*, Tạp chí Lịch sử Xã hội và Kinh tế Ấn Độ, 21, 1 (1984), 10.
- 18 A.E. Porter, A.E. *Điều tra dân số Ấn Độ, 1931, Số V. Băng Gan và Sikkim, Phần I* (Calcutta: Chi nhánh Nxb trung ương, 1993), 464.